

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 6-2022

V/v Ly hôn, t/c về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2022/TLST-HN ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Vũ T1, sinh năm 1988; Địa chỉ ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Vũ T1 tự nguyện, sống chung với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 được UBND xã H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2020 cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, trong quá trình chung sống nhận thấy có nhiều bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã, xác định không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân này và anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Tâm.

Về con chung: có một con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 23/01/2010, hiện nay cháu K đang sống với chị, khi ly hôn chị xin nuôi con không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh Huỳnh Vũ T1 vắng mặt nên không lời bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị T, chị T được ly hôn với anh T1; Con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 23/01/2010, chị T nuôi, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 14/3/2022 xác nhận Huỳnh Vũ T1 hiện có đăng ký thường trú tại xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Chị Phan Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

Anh Huỳnh Vũ T1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị T và anh Huỳnh Vũ T1 kết hôn vào năm 2009, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, chị T cho rằng vợ chồng chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi vã, anh chị xác định không thể tiếp tục cuộc

sống hôn nhân và anh chị đã ly thân từ đầu năm 2018. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T1. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị T và anh T1 thì tư pháp xã cho biết chị T và anh T1 có mâu thuẫn từ năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, chị T đi mua bán xa nhà nên tình cảm phai nhạt. Như vậy, giữa chị T và anh T1 mâu thuẫn là có thật. Anh T1 đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn, chứng tỏ anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 23/01/2010, hiện nay cháu K đang sống với chị T, khi ly hôn chị xin nuôi con không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Hiện nay cháu K đang sống với chị T nên để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho K Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị T nuôi là phù hợp, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị T trình bày không có nên không xem xét.

[7] *Án phí* : Do yêu cầu xin ly hôn của chị T được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí theo qui định là 300.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T. Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Vũ T1.

2. *Về con chung*: Chị T trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 23/01/2010, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Chị T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ chung:* Chị T trình bày không có nên không xem xét.

5. *Án phí:* Chị Phan Thị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0005009 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

7. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- UBND xã H (số 59, ngày 21/12/2009);
- Dương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Uyên